

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **117**/2024/HS-ST
Ngày 24/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Thanh Nghệ và ông Nguyễn Minh Hùng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Ngọc Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương và Trại tạm giam Công an tỉnh T, Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa trực tuyến công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 104/2024/TLST-HS ngày 19/8/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2024/HSST-QĐ ngày 28/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/HSST-QĐ ngày 10/9/2024 đối với các bị cáo:

1. **Đặng Văn T**, sinh ngày 09/4/1972 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Giới tính: Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 03/12; Chức vụ trước khi phạm tội (đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Bố đẻ: Đặng Văn H (đã chết); Mẹ đẻ: Đặng Thị M, sinh năm 1947; Anh chị em ruột: Có 09 người, bị cáo là con thứ tư; Vợ: Trương Thị T1, sinh năm 1974; Con: Có 03 con đã trưởng thành; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 14/01/2008 bị TAND huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 15 (mười lăm) tháng về tội “Chống người thi hành công vụ”, án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng (Bản án số 01/2008/HSST), đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

Ngày 07/10/2019 bị TAND huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (Bản án số 101/2019/HSST), đã chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 29/4/2020.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/5/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T (có mặt).

2. **Lưu Đức H1**, sinh ngày 29/5/1985 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Chức vụ trước khi phạm tội (đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Bố đẻ: Lưu Đức H2, sinh năm 1960; Mẹ đẻ: Hoàng Thị N, sinh năm 1961; Anh chị em ruột: Có 04 người, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Nguyễn Thị H3, sinh năm 1986; Con: Con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 14/08/2007 bị TAND tỉnh Tuyên Quang xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng, án phí hình sự phúc thẩm 50.000 đồng (Bản án số 42/2007/HSST), đã chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 22/5/2008.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/5/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T (có mặt).

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Trương Thị T1, sinh năm 1974

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ, ngày 07/5/2024, Đỗ Quang T2, sinh năm 1973 (trú tại tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang) gọi điện cho bị cáo Đăng Văn T hỏi mua ma túy với số tiền 500.000 đồng. T đồng ý và hẹn T2 đưa tiền trước, khi nào T có ma túy sẽ gọi T2 đến lấy. Sau đó T điều khiển xe mô tô, biển số 22S2-0382 (xe của vợ T là chị Trương Thị T1) chở Lưu Đức H1 đến Trung tâm y tế huyện S để uống Methadone cai nghiện ma túy. Khi đến nơi hẹn T2 ở khu vực đèn xanh đèn đỏ gần đầu cầu S, T2 đưa cho T 500.000 đồng, T bảo H1 cầm tiền, H1 hiểu đó là tiền để mua ma túy. Sau khi uống xong Methadone tại trung tâm y tế huyện S xong, T chở H1 đến khu vực xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiệu xuống xe gặp và mua của một người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ 02 gói ma túy (H), gói bằng giấy bạc màu trắng với số tiền 500.000 đồng. Khi T và H1 đi đến khu vực nghĩa trang xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc lấy ở mỗi gói ma túy ra một phần cùng nhau sử dụng, phần còn lại H1 gói như cũ để đưa cho T bán cho T2, T cầm 02 gói ma túy trên về nhà. Khoảng 10 giờ 15 phút cùng ngày, T gọi điện cho T2 xuống nhà lấy ma túy, khi T2 đến T đưa cho T2 02 gói ma túy, T2 cầm đến khu vực vắng người ở thôn B, xã T, huyện S một mình sử dụng hết.

Khoảng 09 giờ, ngày 08/5/2024 bị cáo H1 gọi điện thoại cho bị cáo T rủ đi mua ma túy về sử dụng, T đồng ý và hẹn gặp nhau tại cây xăng xã S, H1 gửi

xe tại đây và lên xe mô tô biển số 22S2-0382 do T chở đến khu vực thôn V, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, cả hai gặp và mua của một người đàn ông không biết họ tên, địa chỉ 01 gói ma túy, bên ngoài gói bằng giấy bạc màu trắng, bên trong có chất bột vón cục màu trắng với số tiền 600.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T và H1 đến khu vực nghĩa trang thuộc xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc lấy một phần ma túy ra sử dụng, phần còn lại chia nhau cất giấu mang về sử dụng.

Hồi 11 giờ 10 phút cùng ngày tổ công tác Công an huyện S phối hợp Công an xã T đến nhà Đăng Văn T, phát hiện T đang chuẩn bị dụng cụ để sử dụng trái phép chất ma túy tại gian bếp, T3 tự giác giao nộp 01 (một) gói ma túy gói bằng giấy bạc màu trắng, mục đích để sử dụng cho bản thân.

Hồi 12 giờ 20 phút cùng ngày, Công an huyện S phối hợp Công an xã T đến nhà mời Lưu Đức H1 ra UBND xã T làm việc. Tại UBND xã bị cáo H1 tự giác giao nộp 01 (một) gói ma túy cất giấu trong người mục đích để sử dụng cho bản thân.

Kết quả xét nghiệm tìm chất ma túy đối với bị cáo Đăng Văn T và Lưu Đức H1 đều dương tính (+) với ma túy.

* Kết luận giám định số 655/KL-KTHS ngày 13/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: Số chất bột vón cục màu trắng thu giữ của Lưu Đức H1 là chất ma túy, loại Heroine, có tên khoa học là D, khối lượng 0,263g (*không thấy hai sáu ba gam*).

* Kết luận giám định số 656/KL-KTHS ngày 13/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: Số chất bột vón cục màu trắng thu giữ của Đăng Văn T là chất ma túy, loại Heroine, có tên khoa học là D1, khối lượng 0,182g (*không thấy một tám hai gam*).

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 108/CT-VKSSD ngày 17 tháng 8 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Đăng Văn T và Lưu Đức H1 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 - Bộ luật Hình sự và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 - Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Đăng Văn T, Lưu Đức H1 phạm hai tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T. Đề nghị: Xử phạt bị cáo **Đăng Văn T, Lưu Đức H1**, mỗi bị cáo từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt các bị cáo phải chấp hành chung từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị tịch thu tiêu hủy hai phong bì niêm phong bên trong chứa ma túy. Tịch thu của bị cáo Đặng Văn T 01 (một) điện thoại loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu đỏ; của bị cáo Lưu Đức H1 01 (một) điện thoại loại bàn phím số, nhãn hiệu Masstel, màu xanh sung quỹ nhà nước. Trả lại cho chị Trương Thị T1 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Honda, màu đỏ đen, biển số đăng ký 22S2-0382 là tài sản của chị T1.

Truy thu của các bị cáo T và Hiệu số tiền bán ma túy 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước, chia ra mỗi bị cáo phải nộp $\frac{1}{2}$ là 250.000 đồng.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, miễn nộp án phí cho các bị cáo và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Đặng Văn T và Lưu Đức H1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố; các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì, nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Khi nói lời sau cùng các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và nội dung cáo trạng truy tố. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh qua biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, biên bản khám nghiệm hiện trường cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

- Khoảng 10 giờ 15 phút ngày 07/5/2024, tại nhà của bị cáo Đặng Văn T ở thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Bị cáo Đặng Văn T và Lưu Đức H1 có hành vi bán trái phép 01 (một) gói Heroine với số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) cho Đỗ Quang T2 (Trong đó T là người trực tiếp giao dịch mua bán ma túy, H1 đồng phạm với vai trò giúp sức).

- Hồi 11 giờ 10 phút ngày 08/5/2024, tại nhà ở của mình ở thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, bị cáo Đặng Văn T có hành vi Tàng trữ trái phép 0,182 (*không thấy một tám hai gam*) Heroine, mục đích để sử dụng cho bản thân.

- Hồi 12 giờ 10 phút ngày 08/5/2024, tại nhà ở của mình thuộc thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang bị cáo Lưu Đức H1 có hành vi tàng trữ trái phép 0,263g (*Không thấy hai sáu ba gam*) Heroine, mục đích để sử dụng cho bản thân.

Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tác hại của ma túy, nhận thức được việc mua bán trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng do hám lợi, các bị cáo đã có hành vi bán trái phép chất ma túy cho đối tượng nghiện để kiếm lời và tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân. Số lượng ma túy các bị cáo tàng trữ đủ định lượng cấu thành tội phạm, Lỗi của các bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương truy tố các bị cáo Đăng Văn T và Lưu Đức H1 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 - Bộ luật Hình sự và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 - Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, có căn cứ chấp nhận.

[2]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự người phạm tội thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đăng Văn T được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ có bố đẻ là ông Đăng Văn H được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3]. Về mức án đối với các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa phương và là một trong những nguyên nhân thường gây ra các tội phạm, tệ nạn xã hội khác nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

Về nhân thân, các bị cáo đều có nhân thân xấu, đều đã bị kết án phạt tù và đã chấp hành xong toàn bộ các bản án; tuy đã được xóa án tích nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học cải tạo bản thân còn phạm tội mới. Vì vậy, cần xử các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong thời gian dài mới cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Vai trò của các bị cáo: đối với tội mua bán trái phép chất ma túy các bị cáo thực hiện tội phạm với vai trò đồng phạm giản đơn, không có tổ chức, trong đó bị cáo T là người trực tiếp giao dịch và bán ma túy cho T2, bị cáo H1 là người cầm tiền và mua ma túy nên vai trò ngang nhau. đối với tội tàng trữ trái phép chất ma túy bị cáo H1 là người khởi xướng việc đi mua ma túy, trực tiếp mua ma túy, khối lượng tàng trữ ma túy cao hơn nên bị cáo H1 phải chịu mức án cao hơn bị cáo T.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định các bị cáo không có tài sản gì có giá trị nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) đối với các bị cáo.

[5]. Về vật chứng:

Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ của bị cáo Đặng Văn T 0,182g (*không thấy một tám hai gam*) Heroine; thu giữ của bị cáo Lưu Đức H1 0,263g (*Không thấy hai sáu ba gam*) Heroine. Sau khi lấy đi giám định số còn lại cùng bao bì được niêm phong trong 02 (hai) phong bì có dấu của Phòng K Công an tỉnh T và chữ ký của các bị cáo. Đây là vật chứng của vụ án thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành, nên cần tịch thu tiêu hủy.

Thu giữ của bị cáo Đặng Văn T 01 (một) điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu đỏ, bên trong lắp sim số 0356217885 và một sim không xác định được số. Thu giữ của bị cáo Lưu Đức H1 01 (một) điện thoại di động loại bàn phím số, nhãn hiệu Masstel, màu xanh, bên trong lắp sim số 0347016137. Đây là vật chứng của vụ án sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Honda, màu đỏ đen, biển số đăng ký 22S2-0382, xe cũ đã qua sử dụng. Đây là tài sản của chị Trương Thị T1, chị T1 không biết bị cáo Đặng Văn T sử dụng xe mô tô vào việc đi mua ma túy nên cần tuyên trả lại cho chị T1.

Đối với số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) các bị cáo bán ma túy cho Đỗ Quang T2 ngày 07/5/2024, đây là tiền do phạm tội mà có cần truy thu của các bị cáo sung quỹ Nhà nước. Do các bị cáo cùng được hưởng lợi từ số tiền trên nên chia ra mỗi bị cáo phải bị truy thu $\frac{1}{2}$ là 250.000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng).

[6]. Về các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông theo lời khai nhận của các bị cáo là người bán ma túy cho H1 tại khu vực xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, do không xác định được tên tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ điều tra, xử lý.

Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo Đặng Văn T và Lưu Đức H1. Công an huyện S đã chuyển toàn bộ tài liệu liên quan đến Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc để xử phạt theo thẩm quyền.

Bị cáo Đặng Văn T sử dụng xe mô tô của chị Trương Thị T1 (vợ T) và bị cáo Lưu Đức H1 sử dụng xe mô tô của chị Nguyễn Thị H3 (vợ H1) rủ nhau đi mua ma túy, chị T1 và chị H3 không biết nên không đề cập xử lý.

Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện S,

Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo:

Các bị cáo **Đặng Văn T**, **Lưu Đức H1** là hộ nghèo nên được miễn nộp khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 251; khoản 1 Điều 249 - Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo **Đặng Văn T**, **Lưu Đức H1** phạm hai tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”;

2. Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58; Điều 38 - Bộ luật Hình sự. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T.

- Xử phạt: Bị cáo **Đặng văn T 02** (hai) năm **03** (ba) tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và **01** (một) năm **03** (ba) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **03** (ba) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (08/5/2024).

- Xử phạt: Bị cáo **Lưu Đức H1 02** (hai) năm **03** (ba) tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **03** (ba) năm **09** (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (08/5/2024).

3. Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) bì niêm phong bên trong có chứa Heroine, ngoài bì có dấu của Phòng K Công an tỉnh T và chữ ký của các bị cáo là vật chứng của vụ án thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành.

- Trả lại cho chị Trương Thị T1 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Honda, màu đỏ đen, biển số đăng ký 22S2-0382, số máy JC43E5610461; số khung: 4326AY522716 là tài sản của chị T1.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu đỏ, số IMEL1: 866531046846439; số IMEL2 866531046846421, bên trong lắp sim số 0356217885 và một sim không xác định được số của bị cáo Đăng Văn T. 01 (một) điện thoại di động loại bàn phím số, nhãn hiệu Masstel, màu xanh, số IMEL1: 355636047788858; số IMEL2 355636048088852, bên trong lắp sim số 0347016137 của bị cáo Lưu Đức H1.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/8/2024 giữa Công an huyện S với Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương).

- Truy thu của các bị cáo Đăng Văn T và Lưu Đức H1 số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) do bán ma túy mà có sung quỹ Nhà nước. Chia ra mỗi bị cáo bị truy thu 250.000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Căn cứ vào Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Miễn nộp khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Đăng Văn T và Lưu Đức H1.

- Các bị cáo, chị T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKS ND tỉnh TQ;
- VKS ND huyện SD;
- Cơ quan CSĐT CA huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- Trại tạm giam CA tỉnh TQ;
- UBND xã Tân Thanh, huyện SD;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Hồng Chiến